

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội, gọi tắt là Luật Quy hoạch đô thị 2020); Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng (Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng);

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng “V/v quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch nông thôn”;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh: số 758/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 “V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”; số 1102/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tiên Yên mở rộng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040”; số 1843/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 “V/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Tiên Yên mở rộng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040”; số 2601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 “V/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 13/02/2025 của Văn phòng Chính phủ “V/v kết luận chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Minh Chính tại cuộc kiểm tra các dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ”; Công điện số 47/CĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025; Kết luận số 123-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 192/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 2021-2025; Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu quả, hiệu lực thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình một số dự án luật; Văn bản số 1650/BXD-QHKT ngày 07/4/2025 của Bộ Xây dựng về việc rà soát quy hoạch đô thị và đánh giá chất lượng đô thị trong giai đoạn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp;

Căn cứ Công văn số 2742-CV/TU ngày 29/5/2025 của Tỉnh ủy về việc chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; Công văn số 547-CV/ĐU ngày 29/5/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công văn số 2742-CV/TU ngày 29/5/2025 của Thường trực Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành TW Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 29/5/2025; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành TW Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên;

Căn cứ Thông báo số 40-TB/TU ngày 09/5/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh “V/v Ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy tại cuộc họp ngày 08/5/2025”;

Căn cứ Văn bản của UBND tỉnh: số 2851/VP.UBND-XD&MT ngày 03/5/2025 của UBND tỉnh “V/v nghiên cứu hoàn thiện các thủ tục về quy hoạch, quản lý đất đai do tác động khi triển khai phương án hướng tuyến Quốc lộ 4B qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; số 1491/UBND-XD&MT ngày 16/5/2025 về việc thực hiện một số nhiệm vụ chỉ đạo của Đảng ủy UBND tỉnh liên quan công tác quy hoạch;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 85/TTr-SXD ngày 03/6/2025, Báo cáo thẩm định số 2583/BC-SXD ngày 03/6/2025; của UBND huyện Tiên Yên tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 07/5/2025 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh với những nội dung chính sau:

1. Lý do điều chỉnh quy hoạch

- Cụ thể hóa quy hoạch chung thị trấn Tiên Yên mở rộng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt.

- Việc điều chỉnh cục bộ QHPK Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên liên quan đến việc điều chỉnh hướng tuyến, quy mô quốc lộ 4B nhằm khắc phục nhược điểm của tuyến đường hiện trạng và tuyến theo quy hoạch để giảm chiều dài tuyến đường, giảm đường cong, giảm khối lượng đào đắp và mở rộng quy mô Quốc lộ 4B lên tối đa 04 làn xe; khai thác hiệu quả tuyến đường, tăng cường kết nối giữa các khu chức năng, phát triển đô thị hiện đại, đồng bộ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đảm bảo an toàn khi khai thác, giảm chi phí bảo trì và nguy cơ sạt trượt, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương; làm cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn Km80+00 đến cuối tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã được chỉ đạo tại Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 13/02/2025 của Văn phòng Chính phủ.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

2.1. Điều chỉnh về quy hoạch không gian và sử dụng đất

(1) Điều chỉnh đoạn tuyến Quốc lộ 4B trong QHPK Tiên Lãng; điểm đầu tại ranh giới xã Tiên Lãng và thị trấn Tiên Yên; điểm cuối tại vòng xuyên nút giao Cao tốc Vân Đồn - Móng Cái; chiều dài khoảng 5,5 km¹.

(2) Điều chỉnh mặt cắt tuyến Quốc lộ 4B:

- Đoạn không có đường gom: Điều chỉnh từ quy mô lộ giới 41m (02 làn xe)² thành quy mô lộ giới 53m (04 làn xe)³.

- Đoạn có đường gom một bên: Điều chỉnh quy mô lộ giới 48,5m⁴ thành quy mô lộ giới 60,5m⁵.

¹ Nằm trong định hướng điều chỉnh tổng thể hướng tuyến Quốc lộ 4B.

² Gồm bề rộng nền đường 15m (lòng đường 11m; lề đường 2,0m x 02 bên) và hành lang an toàn 13,0m x 02 bên.

³ Dự kiến giai đoạn dài hạn: Lộ giới 53m (bề rộng nền đường 23m; bề rộng đất bảo vệ đường 2m x 2 bên và hành lang an toàn 13,0m x 02 bên). Giai đoạn ngắn hạn: Lộ giới 47m (bề rộng nền đường 17m; bề rộng đất bảo vệ đường 2m x 2 bên và hành lang an toàn 13,0m x 02 bên).

⁴ Gồm lòng đường chính 11m; lề đường 01 bên 2,0m; hành lang 13,0m; dải cây xanh 10,0m; lòng đường gom 7,5m; vỉa hè 5,0m.

⁵ Dự kiến giai đoạn dài hạn đến năm 2040: Lộ giới 60,5m (bề rộng nền đường 23,0m; bề rộng đất bảo vệ đường và hành lang an toàn 01 bên 15,0m; dải cây xanh 10,0m; lòng đường gom 7,5m; vỉa hè 5,0m). Giai đoạn ngắn hạn đến

(Khi nghiên cứu Quy hoạch chi tiết mặt bằng tuyến và dự án đầu tư xây dựng tuyến Quốc lộ 4B sẽ tiếp tục cụ thể hóa về hướng tuyến, mặt cắt, mái taluy, đầu nối hạ tầng... đảm bảo phù hợp với điều kiện địa hình, hiện trạng thực tế, kế hoạch đầu tư theo từng giai đoạn,...).

(3) Điều chỉnh cục bộ diện tích các lô đất cây xanh, dịch vụ, đất ở... dọc hai bên Quốc lộ 4B do thay đổi hướng tuyến và mặt cắt tuyến đường. Giữ nguyên tính chất sử dụng đất của các lô đất hai bên Quốc lộ 4B theo quy hoạch đã duyệt.

(Các nội dung khác giữ nguyên theo Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024).

- Bảng tổng hợp so sánh quy hoạch sử dụng đất toàn khu vực nghiên cứu trước và sau điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Stt	Chức năng sử dụng của ô đất	Quy hoạch đến năm 2030				Quy hoạch đến năm 2040			
		QHPK Tiên Lãng 2024 đã duyệt (ha)	Điều chỉnh cục bộ QHPK Tiên Lãng (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng (giảm) (ha)	QHPK Tiên Lãng 2024 đã duyệt (ha)	Điều chỉnh cục bộ QHPK Tiên Lãng (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng (giảm) (ha)
I	Dân số (người)	13.200	13.200		-	23.210	23.210		-
II	Tổng khu quy hoạch	910,88	910,88	100,0	-	910,88	910,88	100,0	-
1	Nhóm nhà ở	135,17	135,00	14,8	- 0,17	165,8	165,63	18,2	- 0,17
1.1	Nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	85,96	85,79	9,4	- 0,17	85,96	85,79	9,4	- 0,17
1.2	Nhóm nhà ở mới	49,21	49,21	5,4	-	79,84	79,84	8,8	-
2	Hỗn hợp không có ở	7,24	7,24	0,8	-	28,32	28,32	3,1	-
3	Y tế	12,88	12,88	1,4	-	12,88	12,88	1,4	-
4	Văn hóa	2,61	2,66	0,3	0,05	2,61	2,66	0,3	0,05
5	Thể dục thể thao	16,68	16,68	1,8	-	21,55	21,55	2,4	-
6	Giáo dục	19,64	19,64	2,2	-	23,55	23,55	2,6	-
6.1	Trường THPT	12,82	12,82	1,4	-	12,82	12,82	1,4	-
6.2	Trường THCS, tiểu học, mầm non	6,82	6,82	0,7	-	10,73	10,73	1,2	-
7	Cây xanh sử dụng công cộng	32,67	32,67	3,6	-	46,72	46,72	5,1	-
8	Cây xanh sử dụng hạn chế	38,86	39,65	4,4	0,79	38,86	39,65	4,4	0,79
9	Cây xanh chuyên dụng	4,7	4,70	0,5	-	4,7	4,70	0,5	-
10	Sản xuất công nghiệp, kho bãi	1,92	1,92	0,2	-	1,92	1,92	0,2	-
11	Đào tạo, nghiên cứu	23,84	23,41	2,6	- 0,43	23,84	23,41	2,6	- 0,43

năm 2030: Lộ giới 54,5m (bề rộng nền đường 17,0m; bề rộng đất bảo vệ đường và hành lang an toàn 01 bên 15,0m; dải cây xanh 10,0m; lòng đường gom 7,5m; vỉa hè 5,0m).

12	Cơ quan, trụ sở	10,16	10,16	1,1	-	10,16	10,16	1,1	-
13	Khu dịch vụ (không bao gồm dịch vụ du lịch)	15,17	14,40	1,6	- 0,77	28,49	27,72	3,0	- 0,77
14	Khu dịch vụ - du lịch	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Di tích, tôn giáo	1,13	1,13	0,1	-	1,13	1,13	0,1	-
16	An ninh	4,08	4,08	0,4	-	4,08	4,08	0,4	-
17	Quốc phòng	21,78	21,86	2,4	0,08	21,78	21,86	2,4	0,08
18	Đường giao thông	232,6	235,25	25,8	2,65	232,6	235,25	25,8	2,65
19	Bãi đỗ xe	2,98	2,98	0,3	-	7,83	7,83	0,9	-
20	Nghĩa trang (hiện trạng)	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Hệ thống công trình HTKT khác	13,46	13,46	1,5	-	13,76	13,76	1,5	-
22	Sản xuất nông nghiệp	27,65	27,65	3,0	-	-	-	-	-
23	Lâm nghiệp	98,99	96,79	10,6	- 2,20	68,75	66,55	7,3	- 2,20
23.1	Rừng sản xuất	83,72	83,64	9,2	- 0,08	53,48	53,40	5,9	- 0,08
23.2	Rừng phòng hộ	5,96	4,61	0,5	- 1,35	5,96	4,61	0,5	- 1,35
23.3	Rừng đặc dụng, rừng tự nhiên	9,31	8,54	0,9	- 0,77	9,31	8,54	0,9	- 0,77
24	Nuôi trồng thủy sản	43,77	43,77	4,8	-	-	-	-	-
25	Hồ, ao, đầm	16,81	16,81	1,8	-	16,81	16,81	1,8	-
26	Sông, suối, kênh, rạch	91,77	91,77	10,1	-	91,77	91,77	10,1	-
27	Mặt nước ven biển	42,97	42,97	4,7	-	42,97	42,97	4,7	-

- Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất Tiểu khu 1 sau điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Stt	Chức năng sử dụng của ô đất	KHU 1				
		QHPK Tiên Lãng 2024 đã duyet (ha)	Điều chỉnh cục bộ QHPK Tiên Lãng (ha)	Tỷ lệ %	Tăng (giảm) (ha)	Chi tiêu (m ² / người)
I	Dân số (người)	11.210	11.210		-	
II	Tổng khu quy hoạch	384,36	384,36	100,0	-	
1	Nhóm nhà ở	121,1	121,10	31,5	-	108,0
1.1	Nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	80,16	80,16	20,9	-	
1.2	Nhóm nhà ở mới	40,94	40,94	10,7	-	
2	Hỗ trợ	-	-	-	-	
3	Y tế	4,42	4,42	1,1	-	3,9
4	Văn hóa	2,16	2,16	0,6	-	1,9
5	Thể dục thể thao	5,21	5,21	1,4	-	4,6
6	Giáo dục	12,56	12,56	3,3	-	11,2
6.1	Trường THPT	9,05	9,05	2,4	-	8,1

6.2	Trường THCS, tiểu học, mầm non	3,51	3,51	0,9	-	3,1
7	Cây xanh sử dụng công cộng	28,22	28,22	7,3	-	25,2
8	Cây xanh sử dụng hạn chế	7,48	6,93	1,8	- 0,55	6,2
9	Cây xanh chuyên dụng	0,26	0,26	0,1	-	
10	Sản xuất công nghiệp, kho bãi	1,92	1,92	0,5	-	
11	Đào tạo, nghiên cứu	23,84	23,41	6,1	- 0,43	
12	Cơ quan, trụ sở	10,16	10,16	2,6	-	
13	Khu dịch vụ (không bao gồm dịch vụ du lịch)	9,93	9,45	2,5	- 0,48	
14	Khu dịch vụ - du lịch	-	-	-	-	
15	Di tích, tôn giáo	1,05	1,05	0,3	-	
16	An ninh	4,08	4,08	1,1	-	
17	Quốc phòng	1,71	1,71	0,4	-	
18	Đường giao thông	97,07	98,63	25,7	1,56	
19	Bãi đỗ xe	2,52	2,52	0,7	-	
20	Nghĩa trang (hiện trạng)	-	-	-	-	
21	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác	1,31	1,31	0,3	-	
22	Sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	
23	Lâm nghiệp	5,94	5,84	1,5	- 0,10	
23.1	Rừng sản xuất	0,88	0,88	0,2	-	
23.2	Rừng phòng hộ	-	-	-	-	
23.3	Rừng đặc dụng, rừng tự nhiên	5,06	4,96		- 0,10	
24	Nuôi trồng thủy sản	-	-		-	
25	Hồ, ao, đầm	3,21	3,21		-	
26	Sông, suối, kênh, rạch	40,21	40,21	10,5	-	
27	Mặt nước ven biển	-	-	-	-	

- Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất Tiểu khu 2 sau điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Stt	Chức năng sử dụng của ô đất	KHU 2				
		QHPK Tiền Lăng 2024 đã duyet (ha)	Điều chỉnh cục bộ QHPK Tiền Lăng (ha)	Tỷ lệ %	Tăng (giảm) (ha)	Chỉ tiêu (m ² / người)
I	Dân số (người)	12.000	12.000		-	
II	Tổng khu quy hoạch	526,52	526,52	100,0	-	
1	Nhóm nhà ở	44,7	44,53	8,5	- 0,17	37,1
1.1	Nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	5,8	5,63	1,1	- 0,17	
1.2	Nhóm nhà ở mới	38,9	38,90	7,4	-	
2	Hỗn hợp	28,32	28,32	5,4	-	
3	Y tế	8,46	8,46	1,6	-	7,1
4	Văn hóa	0,45	0,50	0,1	0,05	0,4
5	Thể dục thể thao	16,34	16,34	3,1	-	13,6

6	Giáo dục	10,99	10,99	2,1	-	9,2
6.1	Trường THPT	3,77	3,77	0,7	-	3,1
6.2	Trường THCS, tiểu học, mầm non	7,22	7,22	1,4	-	6,0
7	Cây xanh sử dụng công cộng	18,5	18,50	3,5	-	15,4
8	Cây xanh sử dụng hạn chế	31,38	32,72	6,2	1,34	27,3
9	Cây xanh chuyên dụng	4,44	4,44	0,8	-	
10	Sản xuất công nghiệp, kho bãi	-	-	-	-	
11	Đào tạo, nghiên cứu	-	-	-	-	
12	Cơ quan, trụ sở	-	-	-	-	
13	Khu dịch vụ (không bao gồm dịch vụ du lịch)	18,56	18,27	3,5	- 0,29	
14	Khu dịch vụ - du lịch	-	-	-	-	
15	Di tích, tôn giáo	0,08	0,08	0,0	-	
16	An ninh	-	-	-	-	
17	Quốc phòng	20,07	20,15	3,8	0,08	
18	Đường giao thông	135,53	136,62	25,9	1,09	
19	Bãi đỗ xe	5,31	5,31	1,0	-	
20	Nghĩa trang (hiện trạng)	-	-	-	-	
21	Hệ thống công trình HTKT khác	12,45	12,45	2,4	-	
22	Sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	
23	Lâm nghiệp	62,81	60,71	11,5	- 2,10	
23.1	Rừng sản xuất	52,6	52,52	10,0	- 0,08	
23.2	Rừng phòng hộ	5,96	4,61	0,9	- 1,35	
23.3	Rừng đặc dụng, rừng tự nhiên	4,25	3,58	0,7	- 0,67	
24	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-	
25	Hồ, ao, đầm	13,6	13,60	2,6	-	
26	Sông, suối, kênh, rạch	51,56	51,56	9,8	-	
27	Mặt nước ven biển	42,97	42,97	8,2	-	

2.3. Điều chỉnh về hạ tầng kỹ thuật

- Đồ án quy hoạch giữ nguyên định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung theo Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024.

- Điều chỉnh hướng tuyến và mặt cắt Quốc lộ 4B theo khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

- Khớp nối đồng bộ toàn bộ hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật khung sau khi điều chỉnh Quốc lộ 4B

Điều 2. Sửa đổi một số nội dung Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND tỉnh “V/v Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên” như sau:

1. Sửa đổi Khoản 3 Điều 1 như sau: “*Các chỉ tiêu chính: Diện tích đất xây dựng 666,84ha; diện tích đất dân dụng 508,24ha...*”

2. Sửa đổi Điểm a Khoản 4.3 Điều 1 như sau:

- Quốc lộ 4B: Hướng chính Tây Bắc - Đông Nam. Nghiên cứu cải tạo mở rộng với hành lang lộ giới 53m (đối với đoạn không có đường gom); hành lang lộ giới 60,5m (đối với đoạn có đường gom một bên)..."

3. Sửa đổi Điểm a khoản 7.2 như sau:

- Đường Quốc lộ 4B. Đường trục chính đô thị, lộ giới 53,0m (đối với đoạn không có đường gom); lộ giới 60,5m (đối với đoạn có đường gom 1 bên)..."

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Tiên Yên

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu và bản vẽ trình duyệt theo quy định; chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên được duyệt; thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm quản lý chuyên ngành theo quy hoạch được duyệt theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định

Điều 4: Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh" và có hiệu lực từ ngày ký ban hành".

Điều 5. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài Chính, Chủ tịch UBND huyện Tiên Yên; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT; các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3, 4, 5 (thực hiện);
- V0, V1, QLĐĐ, QH, XD;
- Lưu: VT, QH2.

08 bản-QĐ -06.02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy